

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 16/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn DI.

***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc.
2. Ông Quàng Văn Sun.***

Thư ký phiên tòa: Bà Phìn Đại Quảng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

01. Họ và tên: Lò Văn K; (tên gọi khác: Không) - SI năm: 2000. Tại thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B.

Nơi cư trú: Bản Đ M 2, xã P K, thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn H và bà Quàng Thị T.

Vợ: Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 21/8/2023, bị Công an thành phố Điện B Phủ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức cA cáo, chưa được xóa tiền sự; Nhân thân: Chưa bị kết án. Ngày 01/01/2024 bị tổ công tác Công an xã Mường Mươn bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024 tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay bị cáo có mặt.

02. Họ và tên: Cà Văn A; (tên gọi khác: Không) - SI năm: 1989. Tại huyện Điện B, tỉnh Điện B.

Nơi cư trú: Bản N L, xã T N, huyện Điện B, tỉnh Điện B.

Nghề nghiệp: Lái máy xúc; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cà Văn B và bà Lường Thị I.

Vợ: Tòng Thị T – Sinh năm: 1992, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sI năm 2012 con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án. Chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Ngày 01/01/2024 bị tổ công tác Công an xã Mường Mươn bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024 tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay bị cáo có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Tòng Thị T - Sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Bản N L, xã T N, huyện Điện B, tỉnh Điện B – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn K và Cà Văn A là người đang làm thuê tại công trình thuộc bản Huổi Vang, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện B. Tối ngày 01/01/2024, sau khi ăn cơm xong thì Lò Văn K và Cà Văn A rủ nhau mua ma túy để cùng sử dụng. Lò Văn K đưa cho A 50.000 đồng, sau đó A một mình điều khiển xe mô tô BKS 17N6-0737 đến khu vực bản Huổi Chan 2, xã Mường Pồn huyện Điện B thì gặp, trao đổi mua được của một người đàn ông tên KI 02 viên Methamphetamine được bỏ vào trong một hộp giấy với giá 50.000 đồng. Sau khi mua được Methamphetamine, A điều khiển xe mô tô đi về lán công trình thuộc bản Huổi Vang, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà đưa chiếc hộp giấy cho K, A nói bên trong có 02 viên Methamphetamine. K cầm hộp giấy nhưng không mở ra kiểm tra mà cùng A đi lên cabin của một chiếc xe ô tô gần đó để cùng nhau sử dụng, Khi lên cabin K đưa lại hộp giấy bên trong có 02 viên Methamphetamine cho A. Hồi 21 giờ 20 phút cùng ngày, khi A và K đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì tổ công tác Công an xã Mường Mươn đến kiểm tra. Do sợ bị phát hiện nên A đã giấu 02 viên Methamphetamine ra phía sau sàn ghế lái trên cabin xe ô tô. Tổ công tác đã phát hiện và thu giữ 02 viên Methamphetamine có khối lượng 0,188 gam, K và A đều thừa nhận đó là của K và A mua về để sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập B bản bắt người phạm tội của tang đối Lò Văn K và Cà Văn A.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ: 0,188 gam Methamphetamine; 01 hộp giấy màu trắng, tím có dòng chữ to nhất ghi Firstlexin; 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 chiếc bật lửa ga màu tím; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme; 01 chiếc xe mô tô BKS 17N6-0737, kèm theo 02 chìa khóa xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngân.

Tại bản kết luận giám định số: 188/KL-KTHS ngày 09/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện B kết luận: Vật chứng thu giữ của Cà Văn A và Lò Văn K có khối lượng 0,188 gam các viên màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSMC, ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện B đã truy tố các bị cáo Lò Văn K, Cà Văn A về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Kh và A cả về tội danh và điều luật áp dụng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo K phạm tội trong thời gian chưa được xóa tiền sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 05 tháng tù về tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

Xử phạt bị cáo Cà Văn A từ 01 năm 01 tháng đến 01 năm 04 tháng tù về tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 0,15 gam Methamphetamine còn lại sau khi giám định; 01 hộp giấy màu trắng, tím có dòng chữ to nhất ghi Firstlexin; 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 chiếc bật lửa ga màu tím là vật nhà nước cầm tàng trữ, lưu hành và những vật liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo thu giữ của bị cáo A, bị cáo dùng để gọi điện hỏi mua ma túy với người đàn ông tên KI, như vậy bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme thu giữ của bị cáo K không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đen – Bạc, dung tích xi lanh: 110 cm³, BKS 17N6-0737, số máy: 5B94 – 052637; số khung: B9409Y052617, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong (kèm theo 02 chìa khóa xe), bị cáo A dùng làm phương tiện đi mua ma túy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo nên cần:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 1/2 giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 17N6-0737.

Trao trả lại cho chị Tòng Thị T 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 17N6-0737.

Đối với 02 chìa khóa xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngân cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo A khai số ma túy bị thu giữ bị cáo mua của một người đàn ông tên KI tại khu vực bản Huổi Chan 2, xã Mường Pồn, huyện Điện B, qua xác ml người đàn ông tên KI không có mặt tại địa phương nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

Về án phí: Đối với bị cáo Lò Văn K là dân tộc thiểu số sI sống nơi có điều kiện kI tế đặc biệt khó khăn nên áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đối với bị cáo Cà Văn A thuộc trường hợp phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị cáo Cà Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Tông Thị T trình bày, Bị cáo A và chị là vợ chồng, bị cáo A đi làm thuê đem xe đi theo, chiếc xe mô tô bị cáo A sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là xe của vợ chồng chị, bị cáo A sử dụng chiếc xe đi mua ma túy chị không biết, nên cho chị xin lại chiếc xe đó.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không có ý kiến gì thay đổi bổ sung, không có ý kiến gì tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo K xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lò Văn K và Cà Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: Ngày 01/01/2024 các bị cáo rủ nhau đi mua ma túy về để sử dụng. Sau đó bị cáo K đưa cho bị cáo A 50.000 đồng, bị cáo A cầm 50.000 đồng rồi đi xuống khu vực bản Huổi Chan 2, xã Mường Pồn, huyện Điện B thì gặp một người đàn ông tên KI, qua trao đổi mua được của KI 02 viên Methamphetamine có khối lượng là 0,188 gam, mục đích là mua về để cùng bị cáo K sử dụng. Đến 21 giờ 20 phút ngày 01/01/2024, tại khu vực bản Huổi Vang, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện B, tổ công tác Công xã Mường Mươn, phát hiện bắt của tang Lò Văn K và Cà Văn A về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 0,188 gam Methamphetamine. Do đó Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật. Vậy, lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận các bị cáo đều tỏ ra hối hận về hành vi của mình và không có ý kiến gì bổ sung đối với hành vi của mình đã thực hiện.

Căn cứ vào hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào khối lượng ma túy thu được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lò Văn K và Cà Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai theo tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Khi phạm tội các bị cáo đều nhận thức được tác hại mà ma túy gây ra cho sức khỏe của con người, trong đó A hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các bị cáo và A hưởng xấu đến gia đình và xã hội và là hành vi vi phạm pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm. Nhưng các bị cáo vẫn bất chấp tất cả, coi thường kỷ cương phép nước cố tình thực hiện hành vi phạm tội, để thỏa mãn cho nhu cầu nghiện hút, các bị cáo đi mua ma túy về để tàng trữ sử dụng. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây A hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Vụ án có tính đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo K người thuộc vai trò chính, vì bị cáo là người đưa tiền cho bị cáo A để mua ma túy, bị cáo A người thực hành tích cực trong việc đi mua ma túy tàng trữ sử dụng. Vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy bị thu giữ.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều SI ra và lớn lên trong gia đình nông dân thuần túy, được bố mẹ nuôi dưỡng đều đã đủ tuổi trưởng thành. Bị cáo K có một tiền sự, chưa được xóa. Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn rất trẻ, khỏe, lẽ ra phải biết tu chí làm ăn lương thiện, sống tuân thủ pháp luật, rèn luyện bản thân không sa vào tệ nạn xã hội mới phải, nhưng các bị cáo không làm được như vậy. Các bị cáo do bản thân đua đòi bạn bè, lao vào con đường sử dụng và nghiện chất ma túy, để có ma túy sử dụng cho bản thân các bị cáo bất chấp pháp luật cố mua ma túy về tàng trữ trái phép để sử dụng. Do vậy cần phải xử lý thật nghiêm khắc đối với các bị cáo để răn đe phòng ngừa chung đối với toàn xã hội, khi ma túy vẫn đang là nguyên nhân đe dọa sự ổn định về cuộc sống cũng như về tài sản của mọi người.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo K phạm tội trong thời gian chưa được xóa tiền sự, như vậy bị cáo có nhân thân xấu. Vậy những đề nghị của Kiểm sát viên đối với

các bị cáo là có đủ cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, khi quyết định hình phạt HĐXX cần xét, trong cuộc sống việc tuân thủ pháp luật, nhân thân, khối lượng ma túy, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa, cần thiết áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ các bị cáo đã gây ra, để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại B bản xác mI về tài sản của gia đình các bị cáo do Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Chà xác lập, gia đình các bị cáo KI tế rất khó khăn, thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp, bị cáo K còn sống phụ thuộc vào bố mẹ không có tài sản riêng. Hơn nữa, các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 0,15 gam Methamphetamine còn lại sau khi giám định; 01 hộp giấy màu trắng, tím có dòng chữ to nhất ghi Firstlexin; 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 chiếc bật lửa ga màu tím là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và những vật liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo thu giữ của bị cáo A, bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme màu xanh dương, IMEI1: 860297062316220, IMEI2: 860297062316121, điện thoại đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim mạng VIETTEL số thuê bao: 0345065289 thu giữ của bị cáo K, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo K.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đen – Bạc dung tích xi lanh: 110 cm³, biển kiểm soát 17N6-0737, số máy: 5B94 – 052673; số khung: B9409Y052617, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong kèm theo 02 chìa khóa xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngân. Bị cáo A dùng làm phương tiện đi mua ma túy sử dụng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự thì phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của bị cáo và vợ của bị cáo là chị Tòng Thị T thể hiện, chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng, mua để làm phương tiện đi lại trong gia đình, khi bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội chị T không biết. Do đó, căn cứ vào Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình khẳng định 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 17N6-073701 là tài sản chung hợp nhất của bị cáo Cà Văn A và chị Tòng Thị T, chị T không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do đó, cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô sung ngân sách nhà nước, còn 1/2 giá trị chiếc xe được trả lại cho chị Tòng Thị T sở hữu là phù hợp. Đối với 02 chiếc chìa khóa xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngân cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với người đàn ông tên KI bán ma túy cho bị cáo A, qua xác ml người đàn ông tên KI không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết nên không có cơ sở điều tra làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Tòng Thị T trình bày, bị cáo A và chị là vợ chồng, bị cáo A đi làm thuê đem xe đi theo, chiếc xe mô tô, bị cáo A sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là xe của vợ chồng chị, bị cáo A sử dụng chiếc xe đi mua ma túy chị không biết, nên không có sở xử lý đối với chị T, chị T đề nghị xin lại chiếc xe mô tô đó. Đề nghị của chị T là có cơ sở, nhưng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Về án phí: Đối với bị cáo Lò Văn K là dân tộc thiểu số si sống nơi có điều kiện ki tế đặc biệt khó khăn nên áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đối với bị cáo Cà Văn A thuộc trường hợp phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị cáo Cà Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Chà và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn K, Cà Văn A phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Lò Văn K 01 (một) năm (03) ba tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2024.

Xử phạt bị cáo Cà Văn A 01 (một) năm (02) hai tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2024.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,15 gam Methamphetamine còn lại sau khi giám định; 01 hộp giấy màu trắng, tím có dòng chữ to nhất ghi Firstlexin; 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 chiếc bật lửa ga màu tím.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme màu xanh dương, IMEI1: 860297062316220, IMEI2: 860297062316121, điện thoại đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim mạng VIETTEL số thuê bao: 0345065289.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đen – Bạc dung tích xi lanh: 110 cm³, biển kiểm soát 17N6-0737, số máy: 5B94 – 052673; số khung: B9409Y052617, xe đã qua sử dụng không kiểm tra tính năng bên trong.

Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đen – Bạc dung tích xi lanh: 110 cm³, biển kiểm soát 17N6-0737, số máy: 5B94 – 052673; số khung: B9409Y052617, xe đã qua sử dụng không kiểm tra tính năng bên trong cho bà Tòng Thị T – SI năm: 1992. Nơi cư trú: Bản N L, xã T N, huyện Điện B, tỉnh Điện B.

Tiếp tục tạm giữ 02 chiếc chìa khóa xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngân để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng trên đã được niêm phong và bàn giao theo B bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Chà với Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà vào ngày 10/4/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn K. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị cáo Cà Văn A phải chịu 200 .000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/5/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tuyên án, ngày 16/5/2024.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Đội điều tra CA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng KTNV - THA TA tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện B;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện B;
- CA tỉnh Điện B;
- NCQLNVLQ;
- UBND xã P K xã T N;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn DI